

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 739/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đúng**.

2. Ông **Đặng Văn Ấn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông **Đổng Văn Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trang Thị Thu V**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: A ấp B, xã Bình Ch, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Châu Văn Th**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: A, ấp B, xã Bình Ch, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 24/12/2021, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Trang Thị Thu V trình bày:

Bà V à ông Th do mai mối khoảng 05-06 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 66-2009, quyển số 01, vào ngày 28/8/2009. Sau khi cưới, vợ chồng bà sinh sống ở A14/47A, ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Sau đó đến năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với nhau nên giữa bà V à ông Th không có chia sẻ được với nhau các vấn đề

trong cuộc sống. Vợ chồng bà sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Bà mang con về địa chỉ C6/16 ấp 3, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống bên nhà mẹ ruột bà. Còn ông Th ở lại sinh sống tại địa chỉ A14/47A, ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống, bà V à ông Th có 01 (một) con chung tên Châu Gia H (giới tính nữ), sinh năm 2011. Hiện nay Gia H đang sống với bà. Công việc của bà là làm thuê, thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng, đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà không còn tình cảm với ông Th nữa. Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Châu Văn Th.

Về con chung: Xin nuôi con chung tên Châu Gia H (nữ), sinh ngày 08/6/2011, không yêu cầu ông Châu Văn Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2022, bị đơn ông Châu Văn Th trình bày:

Ông và bà Trang Thị Thu V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới, do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có gì xảy ra nhưng đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông và bà V đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không Th ể hàn gắn được, nay ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trang Thị Thu V. Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung tên Châu Gia H (nữ), sinh ngày: 08/6/2011, hiện trẻ Hân đang sống chung với bà V, sau khi ly hôn, ông đồng ý giao trẻ Hân cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng, ông xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trang Thị Thu V đối với ông Châu Văn Th; Về con chung: giao trẻ Châu Gia H (nữ), sinh ngày 08/6/2011 cho bà Trang Thị Thu V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trang Thị Thu V nộp đơn xin ly hôn đối với ông Châu Văn Th. Ông Châu Văn Th hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Trang Thị Thu V và ông Châu Văn Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trang Thị Thu V và ông Châu Văn Th theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 66-2009, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/8/2009 cho bà Trang Thị Thu V và ông Châu Văn Th có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trang Thị Thu V và ông Châu Văn Th là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông Th không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà V thì giữa bà V và ông Th bất đồng quan điểm nên giữa bà V và ông Th không chia sẻ được với nhau các vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Đồng thời ông Châu Văn Th cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Trang Thị Thu V vì tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trang Thị Thu V đối với ông Châu Văn Th.

[5] Về con chung: Bà Trang Thị Thu V và ông Châu Văn Th có 01 con chung tên Châu Gia H (giới tính nữ), sinh ngày: 08/6/2011. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Hân, bà không yêu cầu ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Th đồng ý giao trẻ Hân cho bà V nuôi dưỡng. Đồng thời trẻ Châu Gia H có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, giao trẻ Châu Gia H (giới tính nữ), sinh ngày: 08/6/2011 cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Th cho đến khi bà V có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trang Thị Thu V và ông Châu Văn Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trang Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trang Thị Thu V với ông Châu Văn Th.

Bà Trang Thị Thu V được ly hôn với ông Châu Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66-2009, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/8/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trang Thị Thu V với ông Châu Văn Th có 01 con chung tên Châu Gia H (giới tính nữ), sinh ngày: 08/6/2011. Bà Trang Thị Thu V được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Châu Gia H ; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Châu Văn Th.

Ông Châu Văn Th có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà V ân, ông Th xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà V ân, ông Th xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trang Thị Thu V chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Trang Thị Thu V đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0040446 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trang Thị Thu V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà V và ông Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Bình,
huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Định